

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 178/2019/HNGĐ-PT

Ngày: 20/11/2019.

V/v tranh chấp chia tài sản sau ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Linh

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Chí Nguyên
Ông Nguyễn Anh Dũng

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Bảo Nguyên là Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Vĩnh Thảo – Kiểm sát viên

Ngày 20/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 72/2019/TLPT-HNGĐ ngày 13/05/2019 về tranh chấp chia tài sản sau ly hôn do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 01/2019/DSST ngày 28/3/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây bị kháng cáo theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2019/QĐ-PT ngày 25/10/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Châu T, sinh năm 1960

Địa chỉ: Khu đường đôi, thôn Thiên Mã, xã Cổ Đông, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, có mặt;

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1965

Địa chỉ: Xóm 10 thôn Đoàn Kết, xã Cổ Đông, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, có mặt;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Châu T1, sinh năm 1983

Địa chỉ: 36 phố Hoàng Cầu, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội; vắng mặt

- Chị Nguyễn Châu O, sinh năm 1987

Địa chỉ: P2010, tháp B toà Golden Palace phường Mễ Trì, quận Nam Từ

Liêm, Hà Nội; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Châu T trình bày: Ông kết hôn với bà Nguyễn Thị D sinh được 02 người con là Nguyễn Châu T1, Nguyễn Châu O. Năm 2016, ông có đơn ly hôn bà D, tại Tòa án thị xã Sơn Tây vợ chồng ông thỏa thuận ly hôn. Riêng về tài sản chung vợ chồng ông không yêu cầu Tòa án giải quyết để vợ chồng tự thỏa thuận chia. Sau đó ông và bà D không thỏa thuận chia tài sản chung được, nên ông có đơn yêu cầu Tòa án chia tài sản chung với bà D trong vụ án này gồm:

-Thửa số 100, tờ bản đồ số 17, diện tích 200 đất ở nông thôn tại thôn Tân Phú, xã Sơn Đông, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội,(Đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 573733, cấp ngày 30/09/2004 đứng tên ông Nguyễn Châu T và bà Nguyễn Thị D), trên đất không có tài sản;

-Thửa đất số 100(1), tờ bản đồ số 17, diện tích 1.275m²(Trong đó đất trồng cây lâu năm 1.179m²; đất nông nghiệp khác 96m²) tại thôn Tân Phú, xã Sơn Đông, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, (Đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 849383 ngày 29/10/2014 đứng tên ông Nguyễn Châu T và bà Nguyễn Thị D), trên đất không có tài sản;

-Thửa đất số 32⁽¹⁾, diện tích 150m² đất ở nông thôn tại Khu A, tái định cư nông trường Đồng Mô, xã Cổ Đông, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội,(Đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 492195 ngày 07/08/2006 đứng tên ông Nguyễn Châu T và bà Nguyễn Thị D), trên đất có 01 nhà cấp 4, diện tích 80m²; 01 mái chảy lợp tôn ốt nam, khung thép, diện tích 20m², đều xây dựng năm 2008;

-Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 58, diện tích 168m²(Trong đó có 100m² đất ở nông thôn và 68m² đất trồng cây lâu năm) tại trại Hồ, xã Cổ Đông, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, (Đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Châu T, bà Nguyễn Thị D), trên đất không có tài sản;

-Thửa số 95, tờ bản đồ số 01, diện tích 52m² đất ở nông thôn tại thôn Đoàn Kết, xã Cổ Đông, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội,(Đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 972077 ngày 05/11/2009 đứng tên ông Nguyễn Châu T và bà Nguyễn Thị D), trên đất có 02 nhà cấp 4, mái lợp tôn, diện tích 130m²/02 nhà. xây dựng khoảng 2007;

-Thửa đất số 121, tờ bản đồ số 01, diện tích 180,8m² đất ở nông thôn tại thôn Đoàn Kết, xã Cổ Đông, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội,(Đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 483338 ngày 26/09/2006 đứng tên ông Nguyễn Châu T và bà Nguyễn Thị D), trên đất có 01 nhà 05 tầng, (Diện tích xây dựng 500m², xây dựng năm 2003); 01 nhà mái bằng có khu phụ diện tích 20m², (Xây năm 2003); 01 mái vẩy lợp ốt nam, khung thép diện tích 33,6m²; 01 tường rào sắt 39,2m²; 01 cổng sắt;

-Thửa số 14, tờ bản đồ số 42, diện tích 1.144,8m²(Trong đó đất ở nông thôn

300m²; và 844,8m² đất trồng cây lâu năm) tại thôn Phúc Lộc, xã Cổ Đông, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, (Đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 626257 ngày 23/03/2009 đứng tên ông Nguyễn Châu T và bà Nguyễn Thị D), trên đất không có tài sản

- 01 xe ô tô Mercedes- benz E250, BKS: 29A- 004.68 mua năm 2010, gia đình sử dụng đến năm 2015 do xe bị ngập nước nên ông bán cho ông Phạm Quang Lợi được 01 tỷ đồng. Sau đó ông mua xe ô tô Camry nhập khẩu, sản xuất năm 2009, BKS: 29A-524.36 của bà Mai Thị Hồng Thỏa giá 01 tỷ đồng.

Ngoài ra, ông và bà D còn mua diện tích 500m² mặt sàn (Tầng 02) tại đường Tô Hiệu, Quang Trung, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội của Công ty SME Hoàng Gia, (Có hợp đồng mua bán số 02/HĐMB/DVVP/SMEHG) nhưng ông có đơn xin thay đổi rút không yêu cầu Tòa án xem xét chia; và ngày 13/3/2019 ông tiếp tục có đơn thay đổi và rút yêu cầu không đề nghị chia thửa đất số 45, tờ bản đồ số 58, diện tích 168m tại trại Hồ, xã Cổ Đông, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, (Vì thửa đất này hiện Công ty TNHH khoa học và công nghệ Nam Á đang thuê).

Việc bà D khai năm 2011 vợ chồng ông bà có cho anh Dũng, chị Linh ở Hòa Lạc, Thạch Thất vay 10 tỷ đồng; và năm 2009 cho Nguyễn Văn Minh ở Thạch Thất vay 500.000.000đ nhưng ông không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết chia trong vụ án này, vì hiện tại vợ chồng anh Dũng, chị Linh bỏ trốn khỏi địa phương ông không biết địa chỉ; còn anh Minh năm 2009 có vay 120.000.000đ nhưng đến năm 2013 thì anh Minh đã trả hết số tiền đã vay.

Toàn bộ số tài sản chung trên là công sức của ông và bà D tạo lập nên trong thời kỳ hôn nhân. Các con ông là Nguyễn Châu T1, Nguyễn Châu O không có đóng góp gì ông không đồng ý chia tài sản cho các con. Còn lại 07 tài sản ông đề nghị Tòa án phân chia thành hai phần:

Phần 01 gồm: Thửa đất số 100, tờ bản đồ số 17, diện tích 200m² đất ở nông thôn, tại thôn Tân Phú, xã Sơn Đông, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội.

Thửa đất số 100(1), tờ bản đồ số 17, diện tích 1.275m² tại thôn Tân Phú, xã Sơn Đông, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội,

Thửa số 32⁽¹⁾, diện tích 150m² tại thôn Thiên Mã, xã Cổ Đông, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, và tài sản gắn liền với đất.

01 xe ô tô Toyota Camry, BKS: 29A-524.36.

Phần 02 gồm: Thửa đất số 95, tờ bản đồ số 01, diện tích 52m² tại thôn Đoàn Kết, xã Cổ Đông, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội và tài sản gắn liền với đất.

Thửa đất số 121, tờ bản đồ số 01, diện tích 180,8m² tại thôn Đoàn Kết, xã Cổ Đông, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, và tài sản gắn liền với đất.

Thửa đất số 14, tờ bản đồ số 42, diện tích 1.144,8m² tại thôn Phúc Lộc, xã Cổ Đông, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội.

Trong hai phần tài sản trên ông lấy phần 01, bà D lấy phần 02 hoặc ngược lại

Bị đơn bà Nguyễn Thị Duyên trình bày: Bà kết hôn với ông Nguyễn Châu T năm 1978 sinh được 02 người con là Nguyễn Châu T1 sinh 1983 Nguyễn Châu O sinh năm 1987. Năm 2016, ông T bà D thỏa thuận ly hôn, còn về tài sản chung vợ chồng bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau đó bà và ông T không thỏa thuận phân chia được tài sản chung. Nay ông T có đơn yêu cầu Tòa án chia tài sản chung như đã nêu ở trên, bà xác định toàn bộ số tài sản này là công sức của bà và ông T tạo lập nên trong thời kỳ hôn nhân nhưng có đóng góp một phần của hai con là Nguyễn Châu T1 và Nguyễn Châu O. Nay bà đề nghị phân chia số tài sản trên thành 03 phần gồm ông T một phần, bà một phần, còn một phần chia chung cho cháu T1, O.

Đối với chiếc xe ô tô Mercedes - Benz, E250, BKS: 29A - 004.68 mua năm 2010 giá hơn hai tỷ đồng, sử dụng đến năm 2015 thì ông T bán bà không biết, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết chia xe ô tô Mercedes- Benz, không đồng ý chia xe ô tô Camry.

Ngoài ra, năm 2011, vợ chồng bà có cho vợ chồng anh Dũng, chị Linh ở Hòa Lạc, huyện Thạch Thất vay 10 tỷ đồng; và năm 2009 cho ông Minh ở huyện Thạch Thất vay 500.000.000đ, bà yêu cầu Tòa án xem xét chia hai khoản tiền này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Châu T1 trình bày: Anh là con đẻ của ông T và bà D. Trong số tài sản chung của bố mẹ anh yêu cầu Tòa án chia thì có tài sản là của riêng anh mua nhờ bố mẹ đứng tên hộ trong giấy chứng nhận QSD đất cụ thể: Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 58, diện tích 168m² tại thôn Trại Hồ, xã Cổ Đông, thị xã Sơn Tây, Hà Nội (Thửa đất này đã có giấy chứng nhận QSD đất số BD 733396 cấp ngày 10/01/2012 đứng tên ông Nguyễn Châu T, bà Nguyễn Thị D). Ông T đã rút yêu cầu chia tài sản này.

Sàn chung cư 520m²(Tầng 02) thuộc tòa nhà Công ty xây dựng SME Hoàng Gia tại đường Tô Hiệu, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội anh đã góp 03 tỷ đồng và đưa cho mẹ anh mua đứng tên hợp đồng mua bán là ông T, bà D. Ông T đã rút yêu cầu chia tài sản này.

Thửa 95, diện tích 180m² đất ở, tờ bản đồ số 01 tại thôn Đoàn Kết, xã Cổ Đông, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, (Đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 483338 ngày 26/09/2006 đứng tên ông Nguyễn Châu T và bà Nguyễn Thị D), trên đất có 01 nhà xây 05 tầng anh đã đóng góp tiền 03 lần đưa cho bố mẹ anh (Lần 01 đưa 300.000.000đ; lần 02 đưa 200.000.000đ và lần 03 đưa 150.000.000đ).

Thửa đất số 95, diện tích 52m² đất ở, tại thôn Đoàn Kết, xã Cổ Đông, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội có công sức đóng góp tiền của anh. Nay bố anh yêu cầu chia, anh đề nghị tòa án xem xét đến quyền lợi của anh.

Chị Nguyễn Châu O trình bày: Chị là con đẻ của ông T và bà D. Trong số tài sản chung bố chị yêu cầu Tòa án chia có tài sản là của riêng chị mua nhờ bố mẹ đứng cụ thể: Thửa đất diện tích 286m² mua của chị Phùng Thị Loan, anh Nguyễn Hữu

Cảnh tại thôn Đoàn Kết, xã Cổ Đông, thị xã Sơn Tây, Hà Nội,(Thửa đất có giấy chứng nhận QSD đất số AG 483338, số vào sổ H00578 do UBND thị xã Sơn Tây cấp ngày 26/9/2006 đứng tên ông Nguyễn Châu T, bà Nguyễn Thị D).

Khi bố mẹ chị mua 520m² sàn nhà(Tầng 02) tại tòa nhà Hoàng Gia ở đường Tô Hiệu, Quang Trung, quận Hà Đông, Hà Nội chị đóng góp 02 tỷ đồng. Chị đề nghị Tòa án xem xét chia để đảm bảo quyền lợi và công sức của chị trong khối tài sản chung của bố mẹ.

Người làm chứng ông Phạm Quang Lợi trình bày. Ngày 26/12/2015, ông có mua 01 xe ô tô Mercedes-Benz, BKS: 29A-568.63(xe cũ) của ông Nguyễn Châu T giá 01 tỷ đồng về ông phải sửa chữa nhiều, khi mua bán hai bên có giấy tờ viết tay với nhau.

Người làm chứng bà Mai Thị Hồng Thỏa trình bày: Năm 2015, bà có bán cho ông Nguyễn Châu T 01 xe ô tô Camry(Xe nhập khẩu) BKS: 29A- 362.68 với giá 01 tỷ đồng, khi bán hai bên có viết giấy cho nhau.

Tại bản án số 01/2019/DSST ngày 28/03/2019, Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây đã áp dụng điều 213,219,221 Bộ luật dân sự; điều 29,33 Luật Hôn nhân gia đình; điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Và tại quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 01/2019/QĐ-SCBA-DS ngày 1/4/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây đã quyết định:

Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn của ông Nguyễn Châu T với bà Nguyễn Thị D.

Chấp nhận việc ông Nguyễn Châu T có đơn xin thay đổi và rút một phần yêu cầu khởi kiện.

Xác nhận ông Nguyễn Châu T và bà Nguyễn Thị D có số tài sản chung được giải quyết chia trong vụ án này gồm:

-Thửa số 100, tờ bản đồ số 17 diện tích 200m² đất ở, tại thôn Tân Phú, xã Sơn Đông, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội,(Đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 573733, cấp ngày 30/09/2004 đứng tên người sử dụng ông Nguyễn Châu T và bà Nguyễn Thị D);

-Thửa số 100(1), tờ bản đồ số 17, diện tích 1.275m²(Trong đó đất trồng cây lâu năm 1.179m²; đất nông nghiệp 96m²), tại thôn Tân Phú, xã Sơn Đông thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, (Đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 849383 ngày 29/10/2014 đứng tên người sử dụng ông Nguyễn Châu T và bà Nguyễn Thị D);

-Thửa đất số 32¹, diện tích 150m² đất ở, tại Khu A tái định cư nông trường Đồng Mô, xã Cổ Đông, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội,(Đất có Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất số AG 492195 ngày 07/08/2006 đứng tên người sử dụng ông Nguyễn Châu T và bà Nguyễn Thị D) trên đất có 01 nhà cấp 4, diện tích 80m²; 01 mái chày lợp tôn ột nam, khung thép, diện tích 20m²;

-Thửa đất số 95, tờ bản đồ số 0, diện tích 52m² đất ở nông thôn tại thôn Đoàn Kết, xã Cổ Đông, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội,(Đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 972077 ngày 05/11/2009 đứng tên ông Nguyễn Châu T và bà Nguyễn Thị D), trên đất có 02 nhà cấp 4, mái lợp tôn diện tích 130m²/02 nhà;

-Thửa đất số 121, tờ bản đồ số 01, diện tích 180,8m² đất ở nông thôn, tại thôn Đoàn Kết, xã Cổ Đông, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, (Đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 483338 ngày 26/09/2006 đứng tên ông Nguyễn Châu T và bà Nguyễn Thị D), trên đất có 01 nhà kết cấu 05 tầng diện tích 500m²; 01 nhà mái bằng có khu phụ diện tích 20m²; 01 mái vẩy lợp ột nam, khung thép diện tích 33,6m²; 01 tường rào sắt 39,2m²;

-Thửa đất số 14 tờ bản đồ số 42, diện tích 1.144,8m²(Trong đó đất ở nông thôn 300m²; và 844,8m² đất trồng cây lâu năm), tại thôn Phúc Lộc, xã Cổ Đông, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, (Đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 626257 ngày 23/03/2009 đứng tên ông Nguyễn Châu T và bà Nguyễn Thị D)

- 01 xe ô nhãn hiệu TOYOTA- Camry, màu đen (05 chỗ), BKS: 29A-524.36, có giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 124177 mang tên Mai Thị Hồng Thỏa.

Tổng giá trị tài sản chung là 5.423.587.785 đồng chia 02 mỗi người được nhận phần tài sản trị giá 2.711.793.892 đồng.

2. Chia cho ông Nguyễn Châu T được quyền sử dụng các thửa đất và quyền sở hữu tài sản có trên đất gồm:

- Thửa đất số 100, tờ bản đồ số 17, diện tích 200m² đất ở nông thôn, tờ bản đồ tại thôn Tân Phú, xã Sơn Đông, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội,(Thửa đất này đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 573733, cấp ngày 30/09/2004 đứng tên người sử dụng ông Nguyễn Châu T và bà Nguyễn Thị D);

- Thửa đất số 100(1), tờ bản đồ số 17, diện tích 1.275m²(Trong đó đất trồng cây lâu năm 1.179m²; đất nông nghiệp 96m²) tại thôn Tân Phú, xã Sơn Đông, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội,(Thửa đất này đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 849383 ngày 29/10/2014 đứng tên người sử dụng ông Nguyễn Châu T và bà Nguyễn Thị D);

- Thửa số 32(1), tờ bản đồ số 0, diện tích 150m² đất ở nông thôn tại thôn Thiên Mã, xã Cổ Đông, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, trên đất có 01 nhà cấp 4, diện tích 80m², 01 mái chày lợp tôn ột nam, khung thép, diện tích 20m², đều xây dựng năm 2008,(Thửa đất này đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 492195 ngày 07/08/2006 đứng tên người sử dụng ông Nguyễn Châu T và bà Nguyễn Thị D);

- 01 xe ô tô Toyota Camry, BKS: 29A-524.36,(Chiếc xe ô tô này có giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 124177 mang tên Mai Thị Hồng Thỏa). Tổng tài sản trị giá:

2.510.793.414 đồng (*Hai tỷ năm trăm mười triệu bảy trăm chín mươi ba nghìn bốn trăm mười bốn đồng*).

3. Chia cho bà Nguyễn Thị D được sở quyền sử dụng các thửa đất và quyền sở hữu tài sản có trên đất gồm:

- Thửa đất số 95, tờ bản đồ số 01, diện tích 52m² đất ở nông thôn tại thôn Đoàn Kết, xã Cổ Đông, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, trên đất có 02 nhà cấp 4, mái lợp tôn, diện tích 130m²/02 nhà, (Thửa đất này đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 972077 ngày 05/11/2009 đứng tên ông Nguyễn Châu T và bà Nguyễn Thị D);

- Thửa đất số 121, tờ bản đồ số 01, diện tích 180,8m² đất ở nông thôn tại thôn Đoàn Kết, xã Cổ Đông, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, trên đất có 01 nhà 05 tầng, diện tích xây dựng 500m²; 01 nhà mái bằng có khu phụ diện tích 20m²; 01 mái vẩy lợp ô tô nam, khung thép diện tích 33,6m²; 01 tường rào sắt 39,2m²; 01 cổng sắt, (Thửa đất này đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 483338 ngày 26/09/2006 đứng tên ông Nguyễn Châu T và bà Nguyễn Thị D);

- Thửa đất số 14, tờ bản đồ số 42, diện tích 1.144,8m² (Trong đó đất ở nông thôn 300m²; và 844,8m² đất trồng cây lâu năm) tại thôn Phúc Lộc, xã Cổ Đông, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, (Thửa đất này có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 626257 ngày 23/03/2009 đứng tên ông Nguyễn Châu T và bà Nguyễn Thị D). Tổng tài sản trị giá là 2.912.794.371 đồng (*Hai tỷ chín trăm mười hai triệu bảy trăm chín mươi tư nghìn ba trăm bảy mươi một đồng*).

3. Bà Nguyễn Thị D phải thanh toán lại khoản tiền chênh lệch về tài sản cho ông Nguyễn Châu T là 201.000.479 đồng. (*Hai trăm linh một triệu bốn trăm bảy mươi chín đồng*)

4. Tách hợp đồng vay nợ tiền giữa ông Nguyễn Châu T, bà Nguyễn Thị D với vợ chồng anh Đặng Đình Dũng, chị Nguyễn Diệu Linh để xem xét giải quyết ở một vụ án khác khi đương sự có đơn yêu cầu; và tách hợp đồng vay nợ tiền giữa ông Nguyễn Châu T và bà Nguyễn Thị D với anh Đỗ Văn Minh để xem xét giải quyết ở một vụ án khác khi đương sự có đơn yêu cầu;

5. Không xem xét giải quyết chia thửa đất số 45, tờ bản đồ số 58, diện tích 168m² tại thôn Trại Hồ, xã Cổ Đông, thị xã Sơn Tây, Hà Nội trong vụ án này.

6. Bác yêu cầu về việc đóng góp công sức của anh Nguyễn Châu T1 và chị Nguyễn Châu O vào khối tài sản chung của ông T, bà D được xem xét giải quyết trong vụ án này.

7. Bác các yêu cầu khác của đương sự.

8. Khi bản án có hiệu lực pháp luật ông Nguyễn Châu T, bà Nguyễn Thị D phải đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký về quyền sử dụng đất và quyền về sở hữu tài sản theo qui định của pháp luật đối với phần tài sản được Tòa án chia.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/3/2019 bà D có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm. Bà D đề nghị phân chia lại tài sản, xe ô tô và giải quyết khoản nợ của vợ chồng anh T, chị Linh và anh Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo không rút đơn kháng cáo, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội nêu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Việc chấp hành pháp luật và tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về tố tụng: Bà D làm đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và nộp dự phí kháng cáo hợp lệ.

Về nội dung: Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, ông T đã rút 01 phần tài sản không yêu cầu chia; chỉ đề nghị chia đối với 06 khối bất động sản và 01 chiếc xe ô tô. Án sơ thẩm đã chia số tài sản này cho ông T, bà D vì đây là những tài sản được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân; còn 02 khoản vay nợ được tách ra để giải quyết trong vụ án khác.

Yêu cầu kháng cáo của bà D về phần tài sản, tại phiên tòa bà đề nghị được nhận thửa đất 100(1), còn ông T nhận thửa đất số 14 nhưng ông T không đồng ý. Thửa đất 100 và 100(1) là liền thửa. Cấp sơ thẩm chia cho 01 người là phù hợp.

Đối với số tiền vay nợ: Ông T trình bày toàn bộ giấy vay nợ, bản gốc ông T giữ và ông đã nộp bản photo trong hồ sơ. Bà D đề nghị chia số nợ này vì bà không có tài liệu để đòi vợ chồng anh Dũng, chị Linh. Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, anh Dũng chị Linh không có mặt ở địa phương. Án sơ thẩm đã tách khoản vay nợ này để giải quyết trong vụ án khác không ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự. Bà D cần tài liệu thì bà đề nghị được sao chụp hồ sơ để có chứng cứ.

Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng và trên cơ sở xem xét đầy đủ, tài liệu, chứng cứ, trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị D là hợp lệ, được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bà D đề nghị phân chia lại tài sản và khoản

vay nợ của vợ chồng anh Dũng, chị Linh và anh Minh - HĐXX thấy rằng:

[2.1] Về bất động sản

Tại đơn khởi kiện, ông Nguyễn Châu T đề nghị Toà án chia tài sản chung do ông T và bà D tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ông T, bà D đã tự thoả thuận bán 01 bất động sản tại thửa đất số 01 tờ bản đồ số 58(I) diện tích 357m² tại thôn Đoàn Kết, xã Cổ Đông, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội. Đối với thửa đất số 45 tờ bản đồ số 58 diện tích 168m² tại thôn Trại Hồ, xã Cổ Đông, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội ông T không yêu cầu Toà án giải quyết vì hợp đồng này ông T, bà D đang cho Công ty TNHH Khoa học và công nghệ Nam á thuê chưa hết thời hạn. Như vậy còn lại 06 bất động sản bao gồm:

- Thửa số 100, tờ bản đồ số 17, diện tích 200m² đất ở, tại thôn Tân Phú xã Sơn Đông, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội được UBND thị xã Sơn Tây cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 573733 ngày 30/09/2004 mang tên ông Nguyễn Châu T và bà Nguyễn Thị D.

- Thửa số 100(1), tờ bản đồ số 17, diện tích 1.275m² tại thôn Tân Phú, xã Sơn Đông, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội được UBND thị xã Sơn Tây cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 849383 ngày 29/10/2014 mang tên ông Nguyễn Châu T và bà Nguyễn Thị D.

- Thửa đất số 32¹, diện tích 150m² đất ở, tại khu A tái định cư nông trường Đồng Mô, xã Cổ Đông, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, được UBND thị xã Sơn Tây cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 492195 ngày 10/08/2006 mang tên ông Nguyễn Châu T và bà Nguyễn Thị D, trên đất có 01 nhà cấp 4, xây dựng năm 2008.

- Thửa đất số 95, tờ bản đồ số 01, diện tích 52m² đất ở nông thôn tại thôn Đoàn Kết, xã Cổ Đông, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, được UBND thị xã Sơn Tây cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 972077 ngày 05/11/2009 đứng tên ông Nguyễn Châu T và bà Nguyễn Thị D, trên đất có 02 nhà cấp 4, xây dựng khoảng 2007.

- Thửa đất số 121, tờ bản đồ số 01, diện tích 180,8m² đất ở nông thôn tại thôn Đoàn Kết, xã cổ Đông, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội, được UBND thị xã Sơn Tây cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 483338 ngày 26/09/2006 đứng tên ông Nguyễn Châu T và bà Nguyễn Thị D, trên đất có 02 nhà xây dựng năm 2003.

- Thửa đất số 14, tờ bản đồ số 42, diện tích 1.144,8m² tại thôn Phúc Lộc, xã Cổ Đông, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, được UBND thị xã Sơn Tây cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 626257 ngày 23/03/2009 đứng tên ông Nguyễn Châu T và bà Nguyễn Thị D.

Nguồn gốc số tài sản trên ông T khai toàn bộ số tài sản trên là do công sức của ông T và bà D tạo lập nên trong thời kỳ hôn nhân. Bà D cho rằng các tài sản này có một phần đóng góp của anh T1, chị O nên bà đề nghị chia làm ba phần gồm ông T

một phần, bà D một phần, còn một phần chia chung cho anh T1, chị O. Anh T1, chị O khai có công sức đóng góp vào khối tài sản chung của bố, mẹ. Tuy nhiên anh T1, chị O không chứng minh được phần công sức đóng góp của mình, không có tài liệu thể hiện anh, chị có góp tiền mua chung. Mặt khác các tài sản này đều đã được nhà nước công nhận quyền sở hữu nhà ở và sử dụng đất ở cho ông T, bà D, khi cấp giấy chứng nhận anh chị đều biết và không có ý kiến thắc mắc gì.

Tại phiên toà phúc thẩm, bà D cũng xác nhận toàn bộ số tài sản trên là tài sản chung do ông bà tạo lập nên, anh T1, chị O không có công sức đóng góp gì.

Như vậy HĐXX xác định các bất động sản nêu trên ông T, bà D tạo lập trong thời kỳ hôn nhân đã được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản trên đất. Đây là tài sản chung vợ chồng.

Năm 2015 ông T gửi đơn xin ly hôn với bà D. Theo bà D trình bày do ông T có quan hệ với người phụ nữ khác, về nhà ruồng rẫy chửi mắng vợ con. Lúc đầu bà không đồng ý ly hôn nhưng bà không thể níu kéo được vì ông T đã có con với người khác nên sau đó bà đồng ý ly hôn. Phía ông T thừa nhận sau khi ly hôn với bà D, ông có chung sống với người khác và hai người có 01 con chung sinh năm 2017, sau khi ly hôn ông mới có quan hệ khác là hợp pháp. Tuy nhiên ở đây cần xem xét yếu tố lỗi dẫn đến việc chấm dứt quan hệ hôn nhân. Theo quy định tại khoản 2 điều 59 Luật HNGĐ quy định nguyên tắc giải quyết tài sản của vợ chồng khi ly hôn:

2. Tài sản chung của vợ chồng được chia đôi nhưng có tính đến các yếu tố sau đây:

d) Lỗi của mỗi bên trong vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng

Ông T thừa nhận có 01 con sinh năm 2017 nên việc bà D trình bày ông T có quan hệ với người khác để yêu cầu ly hôn với bà là có cơ sở. Do đó HĐXX xem xét việc chia tài sản vợ chồng có tính đến yếu tố lỗi như quy định tại khoản 2 điều 59 Luật HNGĐ. Ông T hưởng 45% giá trị tài sản, bà D hưởng 55% giá trị tài sản khi phân chia.

Theo biên bản định giá của Hội đồng định giá cấp sơ thẩm xác định 06 bất động sản có giá trị như sau:

- Thửa số 100, tờ bản đồ số 17, diện tích 200m², tại thôn Tân Phú xã Sơn Đông, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội trị giá 1.080.000.000 đồng.

- Thửa số 100(1), tờ bản đồ số 17, diện tích 1.275m² tại thôn Tân Phú, xã Sơn Đông, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội trị giá 1.080.000.000 đồng .

- Thửa đất số 32¹, diện tích 150m², tại thôn Thiên Mã, xã Cổ Đông, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, trị giá đất 792.000.000 đồng, tài sản trên đất 63.171.414 đồng. Tổng cộng: 855.171.414 đồng.

- Thửa đất số 95, tờ bản đồ số 01, diện tích 52m² tại thôn Đoàn Kết, xã Cổ Đông, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, trị giá đất 280.800.000 đồng, tài sản trên

đất: 84.204.732 đồng. Tổng cộng: 365.004.732 đồng.

- Thừa đất số 121, tờ bản đồ số 01, diện tích 180,8m² tại thôn Đoàn Kết, xã Cổ Đông, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội, trị giá đất 976.320.000 đồng, tài sản trên đất: 1.218.679.239 đồng. Tổng cộng: 2.194.999.239 đồng.

- Thừa đất số 14, tờ bản đồ số 42, diện tích 1.144,8m² tại thôn Phúc Lộc, xã Cổ Đông, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, trị giá đất 352.790.400 đồng.

Tại phiên toà bà D trình bày thừa đất số 14, tờ bản đồ số 42, diện tích 1.144,8m² tại thôn Phúc Lộc, xã Cổ Đông, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội án sơ thẩm chia cho bà sử dụng có sự bất cập do ở gần gia đình ông T. Toà án xem xét chia thừa đất này cho ông T sử dụng sẽ thuận lợi hơn và bà đề nghị được nhận thừa đất 100(1), tờ bản đồ số 17, diện tích 1.275m² tại thôn Tân Phú, xã Sơn Đông, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội. Theo ông T trình bày thừa đất số 14 gia đình ông ở cách đó 04km nên không ảnh hưởng gì đến việc phân chia cho bà D. Ông đề nghị Toà án giữ nguyên cách chia như bản án sơ thẩm là phù hợp.

HĐXX thấy rằng chia cho bà D được quyền sử dụng thừa đất số 100(1), tờ bản đồ số 17 diện tích 1.275m² còn chia cho ông T được quyền sử dụng thừa đất 14 tờ bản đồ số 42 diện tích 1.148m² để bà D tránh va chạm với gia đình ông T là phù hợp. Còn các thừa đất khác giữ nguyên như án sơ thẩm đã chia.

[2.2] Đối với xe ô tô: ông T và bà D trình bày trong quá trình chung sống, ông bà có tạo lập được 01 chiếc xe ô tô Mercedes – benz E250, BKS 29A-004.68 mua năm 2010. Năm 2015 do xe bị ngập nước ông T đã bán cho ông Phạm Quang Lợi giá 01 tỷ đồng, sau đó ông mua xe Camry nhập khẩu, sản xuất năm 2009, BKS 29A-524.36 của bà Mai Thị Hồng Thoả giá 01 tỷ đồng. Ông T đề nghị chia chiếc xe Camry này, tuy nhiên bà D đề nghị Toà án chia chiếc xe Mercedes bởi ông T bán xe bà không biết. HĐXX thấy rằng việc ông T đổi xe Mercedes sang xe Camry được thực hiện trong quá trình hôn nhân của ông bà vẫn đang tồn tại. Khi ông T đổi xe bà không có ý kiến phản đối gì. Nay bà yêu cầu chia chiếc xe Mercedes là không có cơ sở. Chính vì vậy Toà án cấp sơ thẩm xác định chia chiếc xe ô tô Camry là có căn cứ.

Theo kết quả định giá của Hội đồng định giá cấp sơ thẩm, chiếc xe Camry có giá trị 450.000.000 đồng.

[2.3] Đối với khoản tiền cho vay: Bà D xác định ông, bà có cho anh Đặng Đình Dũng và vợ là chị Nguyễn Thị Diệu Linh, địa chỉ thôn Hoà Lạc, xã Bình Yên, huyện Thạch Thất, Hà Nội vay 10 tỷ đồng và anh Minh ở Thạch Thất vay 500.000.000 đồng. Anh Minh khai đã trả xong khoản nợ vay 120 triệu chứ không phải 500 triệu như bà D trình bày cho ông T từ năm 2013. Đến nay anh Minh không còn nợ gì ông T nữa.

Tại lời khai ngày 1/8/2017 ông T cũng xác nhận có cho vợ chồng anh Dũng, chị Linh vay 10.400.000.000 đồng đến nay chưa trả. Như vậy đối với khoản vay này ông T và bà D đều xác nhận vợ chồng anh Dũng, chị Linh còn nợ số tiền hơn 10 tỷ

đồng (ông T có nộp giấy vay nợ bản photo trong hồ sơ). Thời điểm cấp sơ thẩm giải quyết, anh Dũng, chị Linh không có mặt tại địa phương nên không lấy được lời khai. Để làm rõ việc vay nợ của các bên cần triệu tập vợ chồng anh Dũng, chị Linh tham gia tố tụng. Tuy nhiên do anh Dũng, chị Linh không có mặt nên Toà án cấp sơ thẩm đã tách việc giải quyết vay nợ này thành vụ án dân sự khác là đảm bảo quyền lợi của các bên. Nay bà D chứng minh được anh Dũng, chị Linh đang ở tại địa chỉ thôn Hoà Lạc, xã Bình Yên, huyện Thạch Thất, Hà Nội thì bà có quyền nộp đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết đối với khoản vay này bằng vụ án khác.

Như vậy các tài sản của ông T, bà D được Toà án xem xét giải quyết trong vụ án gồm 06 bất động sản và 01 ô tô Camry có giá trị 5.423.587.785 đồng. Bà D hưởng 55% = 2.982.973.281 đồng, ông T hưởng 45% = 2.440.614.503 đồng.

Chia cho ông T được quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản trên đất gồm:

- Thừa đất số 100, tờ bản đồ số 17, diện tích 200m² tại thôn Tân Phú, xã Sơn Đông, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội; trị giá: 1.080.000.000 đồng
- Thừa đất số 14 tờ bản đồ số 42, diện tích 1.144,8m² tại thôn Phúc Lộc, xã Cổ Đông, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội; trị giá: 352.790.400 đồng
- Thừa số 32¹, diện tích 150m² tại khu A tái định cư nông trường Đồng Mô, xã Cổ Đông thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội và tài sản gắn liền với đất, trị giá 855.171.414 đồng
- 01 xe ô tô Toyota Camry, BKS: 29A-524.36; trị giá 450.000.000 đồng

Tổng giá trị tài sản ông T được nhận: 2.737.961.814 đồng.

Chia cho bà Nguyễn Thị D được quyền sử dụng các thửa đất và quyền sở hữu tài sản có trên đất gồm:

- Thừa đất số 95, tờ bản đồ số 01, diện tích 52m² tại thôn Đoàn Kết, xã Cổ Đông, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội và tài sản gắn liền với đất; trị giá 365.004.732 đồng.
- Thừa đất số 121, tờ bản đồ số 01, diện tích 180,8m² tại thôn Đoàn Kết, xã Cổ Đông, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội và tài sản gắn liền với đất; trị giá 2.194.999.239 đồng.
- Thừa đất số 100(1), tờ bản đồ số 17, diện tích 1.275m² tại thôn Tân Phú, xã Sơn Đông, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội; trị giá 125.622.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bà D được nhận: 2.685.625.971 đồng.

Ông Nguyễn Châu T phải thanh toán lại khoản tiền chênh lệch về tài sản cho bà Nguyễn Thị D là 297.347.310 đồng.

Về án phí: Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 điều 59 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Sửa bản án số 01/2019/DSST ngày 28/3/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội về phân chia tài sản và án phí. Cụ thể:

1. Xác nhận tài sản chung của ông Nguyễn Châu T và bà Nguyễn Thị D được giải quyết chia trong vụ án này gồm 06 bất động sản và 01 xe ô tô Camry. Cụ thể:

- Thừa số 100, tờ bản đồ số 17 diện tích 200m² đất ở, tại thôn Tân Phú, xã Sơn Đông, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội; trị giá 1.080.000.000 đồng.

- Thừa số 100(1), tờ bản đồ số 17, diện tích 1.275m², tại thôn Tân Phú, xã Sơn Đông, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội; trị giá 125.622.000 đồng.

- Thừa đất số 32¹, diện tích 150m² đất ở, tại Khu A tái định cư nông trường Đồng Mô, xã Cổ Đông, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, và tài sản gắn liền với đất; trị giá 855.171.414 đồng.

- Thừa đất số 95, tờ bản đồ số 01, diện tích 52m² đất ở nông thôn tại thôn Đoàn Kết, xã Cổ Đông, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội và tài sản gắn liền với đất; trị giá 365.004.732 đồng.

- Thừa đất số 121, tờ bản đồ số 01, diện tích 180,8m² đất ở nông thôn, tại thôn Đoàn Kết, xã Cổ Đông, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội và tài sản gắn liền với đất; trị giá 2.194.999.239 đồng.

- Thừa đất số 14 tờ bản đồ số 42, diện tích 1.144,8m², tại thôn Phúc Lộc, xã Cổ Đông, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội; trị giá 352.790.400 đồng.

- 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA- Camry, BKS: 29A-524.36, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 124177 mang tên Mai Thị Hồng Thỏa trị giá 450.000.000 đồng

Tổng giá trị tài sản chung là 5.423.587.785 đồng (năm tỷ bốn trăm hai mươi ba triệu, năm trăm tám mươi bảy nghìn, bảy trăm tám mươi năm đồng), bà D hưởng 55% = 2.982.973.281 đồng, ông T hưởng 45% = 2.440.614.503 đồng.

2. Chia cho ông Nguyễn Châu T được quyền sử dụng các thửa đất và quyền sở hữu tài sản có trên đất gồm:

-Thửa đất số 100, tờ bản đồ số 17, diện tích 200m² tại thôn Tân Phú, xã Sơn Đông, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 573733, cấp ngày 30/09/2004 của UBND thị xã Sơn Tây đứng tên ông Nguyễn Châu T và bà Nguyễn Thị D; trị giá: 1.080.000.000 đồng

- Thừa đất số 14 tờ bản đồ số 42, diện tích 1.144,8m² tại thôn Phúc Lộc, xã Cổ Đông, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 626257 ngày 23/03/2009 của UBND thị xã Sơn Tây đứng tên ông Nguyễn Châu T và bà Nguyễn Thị D; trị giá: 352.790.400 đồng

- Thừa số 32¹, diện tích 150m² tại Khu A tái định cư nông trường Đồng Mô, xã Cổ Đông, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 492195 ngày 10/08/2006 của UBND thị xã Sơn Tây đứng tên ông Nguyễn Châu T và bà Nguyễn Thị D; trị giá 855.171.414 đồng

- 01 xe ô tô Toyota Camry, BKS: 29A-524.36; trị giá 450.000.000 đồng

Tổng giá trị tài sản ông T được nhận: 2.737.961.814 đồng (hai tỷ bảy trăm ba mươi bảy triệu, chín trăm sáu mươi một nghìn, tám trăm mười bốn đồng).

3. Chia cho bà Nguyễn Thị D được quyền sử dụng các thửa đất và quyền sở hữu tài sản có trên đất gồm:

- Thừa đất số 95, tờ bản đồ số 01, diện tích 52m² tại thôn Đoàn Kết, xã Cổ Đông, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 972077 ngày 05/11/2009 của UBND thị xã Sơn Tây đứng tên ông Nguyễn Châu T và bà Nguyễn Thị D; trị giá 365.004.732 đồng.

- Thừa đất số 121, tờ bản đồ số 01, diện tích 180,8m² tại thôn Đoàn Kết, xã Cổ Đông, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 483338 ngày 26/09/2006 của UBND thị xã Sơn Tây đứng tên ông Nguyễn Châu T và bà Nguyễn Thị D; trị giá 2.194.999.239 đồng.

- Thừa đất số 100(1), tờ bản đồ số 17, diện tích 1.275m² tại thôn Tân Phú, xã Sơn Đông, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 849383 ngày 29/10/2014 của UBND thị xã Sơn Tây đứng tên ông Nguyễn Châu T và bà Nguyễn Thị D; trị giá 125.622.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bà D được nhận: 2.685.625.971 đồng (hai tỷ sáu trăm tám mươi năm triệu, sáu trăm hai mươi năm nghìn, chín trăm bảy mươi một đồng).

4. Ông Nguyễn Châu T phải thanh toán lại khoản tiền chênh lệch về tài sản cho bà Nguyễn Thị D là 297.347.310 đồng (hai trăm chín mươi bảy triệu, ba trăm bốn mươi bảy nghìn, ba trăm mười nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

5. Dành quyền khởi kiện cho bà D, ông T đối với hợp đồng vay nợ tiền giữa ông Nguyễn Châu T, bà Nguyễn Thị D với vợ chồng anh Đặng Đình Dũng, chị Nguyễn Diệu Linh và hợp đồng vay nợ tiền giữa ông Nguyễn Châu T bà Nguyễn Thị D với anh Đỗ Văn Minh để xem xét giải quyết ở một vụ án khác khi đương sự có đơn yêu cầu;

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, các bên đương sự có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước cấp có thẩm quyền đăng ký để điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của Tòa án.

6. Bác yêu cầu về việc đóng góp công sức của anh Nguyễn Châu T1 và chị Nguyễn Châu O vào khối tài sản chung của ông T, bà D được xem xét giải quyết trong vụ án này.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

7. Về án phí:

Ông Nguyễn Châu T phải chịu 80.812.000 đồng (tám mươi triệu, tám trăm mười hai nghìn đồng) án phí chia tài sản, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 08916 ngày 09/5/2016 của Chi cục thi hành dân sự thị xã Sơn Tây. Ông T còn phải nộp 30.812.000 đồng (ba mươi triệu, tám trăm mười hai nghìn đồng);

Bà Nguyễn Thị D phải chịu 91.659.000 đồng (chín mươi một triệu, sáu trăm năm mươi chín nghìn đồng) án phí chia tài sản và không phải chịu án phí HNGĐ phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007830 ngày 29/3/2019 của Chi cục thi hành dân sự thị xã Sơn Tây. Bà D còn phải nộp 91.359.000 đồng (chín mươi một triệu, ba trăm năm mươi chín nghìn đồng).

Anh Nguyễn Châu T1 và chị Nguyễn Châu O mỗi người phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí DSST

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hà Nội
- TAND thị xã Sơn Tây;
- VKSND thị xã Sơn Tây;
- Chi cục THADS thị xã Sơn Tây;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thúy Linh